

BỘ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG
Số: 357/QĐ-BTTTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Vùng kinh
tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020**

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

*Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ
quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và
Truyền thông;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về
lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định
số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 92/2006/NĐ-CP về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát
triển kinh tế - xã hội;*

*Căn cứ Quyết định số 492/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính
phủ về việc thành lập Vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long;*

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Chiến lược Thông tin và Truyền thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Vùng
kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020” với những nội
dung chủ yếu sau đây:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

- Phát triển công nghệ thông tin và truyền thông đi trước một bước làm hạt nhân lan tỏa và động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần đưa Vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ) vùng đồng bằng sông Cửu Long trở thành trung tâm kinh tế, thương mại lớn của cả nước.
- Phát triển viễn thông toàn diện cả về mạng lưới, công nghệ và dịch vụ, đảm bảo an toàn mạng lưới, kết nối liên vùng và cả nước, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội cho toàn vùng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, phục vụ tốt và kịp thời cho công tác an ninh, quốc phòng trong mọi tình huống.
- Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin (CNTT) trong mọi lĩnh vực, ưu tiên đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, từng bước xây dựng “tỉnh, thành phố điện tử”.
- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp CNTT, chú trọng phát triển dịch vụ CNTT, sản xuất nội dung thông tin số và phần mềm, góp phần quan trọng vào tăng cường năng lực công nghệ quốc gia.
- Phát triển nguồn nhân lực CNTT là yếu tố then chốt có ý nghĩa quyết định đối với việc phát triển và ứng dụng CNTT. Phát triển nguồn nhân lực CNTT phải đảm bảo chất lượng, đồng bộ, chuyển dịch nhanh về cơ cấu theo hướng tăng tỷ lệ nguồn nhân lực có trình độ cao.

2. Mục tiêu phát triển

2.1. Phát triển viễn thông

- Xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông băng rộng hiện đại, có thông lượng lớn có độ tin cậy cao. Phát triển Cần Thơ trở thành một trung tâm dịch vụ viễn thông chất lượng cao của khu vực đồng bằng sông Cửu Long và của cả nước.
- Đến năm 2015, hoàn thành mạng băng rộng đến tất cả các xã, phường và phủ sóng thông tin di động băng rộng đến 85% dân cư. Ít nhất 20% số hộ gia đình có máy tính và có thể truy cập Internet băng rộng. Hầu hết các hộ gia đình đều có điện thoại (cố định hoặc di động).
- Đến năm 2020, hoàn thiện mạng băng rộng đến hầu hết các khóm, ấp và phủ sóng thông tin di động băng rộng đến 95% dân cư. Ít nhất 50% số hộ gia đình có máy tính

và có thể truy cập Internet băng rộng. Tất cả các hộ gia đình đều có điện thoại (cố định hoặc di động).

2.2. Phát triển ứng dụng CNTT

a) Đến năm 2015

+ Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước

- Ít nhất 60% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện hoàn toàn dưới dạng điện tử, trừ các văn bản có tính mật; Trên 90% hồ sơ quản lý cán bộ, công chức các cấp có thể quản lý chung trên mạng và tích hợp vào cơ sở dữ liệu quản lý cán bộ, công chức toàn quốc.

- 100% các cuộc họp của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với Chính phủ có thể được thực hiện trên môi trường mạng; Ít nhất 60% các cuộc họp của Ủy ban nhân dân tỉnh với các huyện, thị, thành phố trực thuộc và giữa các cơ quan cấp tỉnh với các huyện, thị, thành phố được thực hiện trên môi trường mạng.

- Hầu hết cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc.

+ Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Trên 85% các cơ quan nhà nước cấp huyện trở lên có cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin theo Điều 28 của Luật Công nghệ thông tin, cung cấp tất cả các dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và hầu hết các dịch vụ công cơ bản trực tuyến.

- Trên 40% hồ sơ khai thuế của người dân và doanh nghiệp được nộp qua mạng; Cơ quan hải quan các tỉnh, thành phố triển khai thủ tục hải quan điện tử; Trên 20% số gói thầu về mua sắm hàng hóa, xây lắp và dịch vụ tư vấn sử dụng vốn nhà nước được thực hiện đấu thầu qua mạng; Ít nhất 20% hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng được nộp qua mạng.

- Trên 30% công dân trên 14 tuổi được cấp chứng minh thư nhân dân sản xuất trên dây chuyền hiện đại với một số chứng minh thư duy nhất không trùng lặp, chống làm giả.

- Tăng cường ứng dụng CNTT trong các hoạt động văn hóa, thông tin và thư viện. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong xúc tiến, quảng bá du lịch và lưu giữ phát triển văn hóa truyền thống.

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo

- Tăng cường trang bị máy tính, mạng máy tính và kết nối Internet băng rộng cho các trường học. Đến năm 2015, 100% trường trung học phổ thông (THPT), trung tâm giáo dục thường xuyên, trường trung học cơ sở (THCS) và 50% trường tiểu học được trang bị phòng máy tính đáp ứng nhu cầu dạy và học.

- Đảm bảo có đủ giáo viên dạy môn tin học trong chương trình chính khoá ở các trường phổ thông. Đến năm 2015, 100% học sinh THPT, trung tâm giáo dục thường xuyên và THCS, 50% học sinh tiểu học được học tin học trong chương trình chính khoá.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào dạy và học tại các trường; Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ quản lý giáo dục.

+ Ứng dụng CNTT trong y tế

- 100% cơ sở y tế tuyến tỉnh, ít nhất 50% cơ sở y tế tuyến huyện có hệ thống mạng LAN và trang thiết bị phục vụ ứng dụng CNTT. 100% cơ sở y tế từ tuyến huyện trở lên được kết nối Internet tốc độ cao; trên 85% trạm y tế xã có máy tính và được kết nối Internet tốc độ cao.

- 100% Sở Y tế và cơ sở y tế tuyến tỉnh, trên 50% cơ sở y tế tuyến huyện ứng dụng CNTT để hỗ trợ các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý. Từng bước xây dựng hệ thống y tế điện tử và hệ thống theo dõi, cảnh báo dịch bệnh trong vùng.

+ Ứng dụng CNTT phát triển sản xuất, kinh doanh

- Hình thành và thúc đẩy phát triển môi trường giao dịch và thương mại điện tử thuận lợi, tin cậy. Trên 50% các doanh nghiệp lớn thường xuyên thực hiện các giao dịch thương mại điện tử. 70% các doanh nghiệp vừa và nhỏ biết đến lợi ích của thương mại điện tử và có ứng dụng nhất định.

+ Ứng dụng CNTT phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn

- Trên 45% số xã có điểm bưu điện văn hóa và điểm truy cập Internet đạt chuẩn theo Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011- 2020.
- Phát triển các trang thông tin điện tử khuyến nông, khuyến ngư, theo dõi rừng, theo dõi dự báo dịch hại trên cây trồng. Hình thành mạng lưới thu thập thông tin và cung cấp thông tin giá cả thị trường nông sản trên toàn vùng, phát triển các cơ sở dữ liệu phục vụ sản xuất và kinh doanh nông nghiệp, ngư nghiệp và lâm nghiệp.
- Thúc đẩy phát triển giao dịch và thương mại điện tử thuận lợi, tin cậy; hướng dẫn, khuyến khích nông dân sử dụng giao dịch và thương mại điện tử.

b) Đến năm 2020

- Hình thành kết cấu hạ tầng xã hội thông tin vào năm 2020, tích hợp các hệ thống thông tin, tạo lập môi trường mạng rộng khắp gắn kết với các tỉnh khác trong vùng đồng bằng sông Cửu Long và vùng KTTĐ phía Nam. Trên 70% số xã có điểm bưu điện văn hóa và điểm truy cập Internet đạt chuẩn theo Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 – 2020.
- Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho các hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT. Hầu hết các giao dịch của các cơ quan nhà nước được thực hiện trên môi trường điện tử. Hầu hết các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến với mức độ 3 và 4.
- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT phục vụ phát triển nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp và các lĩnh vực có thế mạnh đặc thù của Vùng KTTĐ vùng đồng bằng sông Cửu Long.
- Tăng cường dạy và học tin học trong các trường phổ thông. 100% trường tiểu học được trang bị phòng máy tính đáp ứng nhu cầu dạy và học. 100% học sinh tiểu học được học tin học trong chương trình chính khóa.
- 100% cơ sở y tế có đủ trang thiết bị CNTT và được kết nối Internet tốc độ cao phục vụ ứng dụng CNTT. 100% cơ sở y tế từ tuyến huyện trở lên ứng dụng CNTT để hỗ trợ các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý. 100% trạm y tế sử dụng phần mềm phục vụ công tác thống kê, chăm sóc sức khỏe ban đầu. Hoàn thiện hệ thống y tế điện tử và hệ thống theo dõi, cảnh báo dịch bệnh.